

Số TT	Tên đơn vị hành chính	Đoạn đường		Giá đất
		Từ	Đến	VT1
17.90	Khu dân cư xung quanh trường Quân sự Quân Khu 9 (Khu dân cư 586)			
	Khu A	Các lô nền A5, A8, A12		10.000
	Khu B	Có mặt tiền giáp Đường Trần Hưng Đạo		16.000
	Đường số 1	Đường Trần Hưng Đạo	Đường số 9	6.000
		Đường số 9	Đường số 7	5.500
	Đường số 2, 3, 4, 5, 6, 6A, 7, 8, 9, 10	Suốt tuyến		4.000
17.91	Dự án Phát triển đô thị và tái định cư khu 5A			
	Đường 14, 20, 22 và 23	Suốt tuyến		7.000
	Đường 9A, 9B	Suốt tuyến		7.000
	Đường số 5, 6, 16	Suốt tuyến		9.000
	Đường số 2, 3, 4, 7, 8, 10, 11, 12, 13, 14, 15, 17, 18, 19, 21, N24	Suốt tuyến		7.000
	Các đường còn lại trong Khu dân cư	Suốt tuyến		6.000
17.92	Khu nhà ở thương mại Trần Quang Diệu (P2)	Đường số 1		7.000
		Các đường còn lại trong khu nhà ở thương mại Trần Quang Diệu		6.000
17.93	Khu nhà phố Thương mại VinCom ShopHouse Sóc Trăng (P2)	Suốt tuyến		12.000
18	Phường Sóc Trăng			
18.1	Đường Lê Lợi	Đường Tôn Đức Thắng	Nút giao thông Tượng Đài Trung Tâm	31.000
	Hẻm 63	Suốt hẻm		4.500
18.2	Đường Hùng Vương	Bên phải tuyến hết ranh Hồ Nước Ngọt; Bên trái tuyến giáp Đường Dã Tượng	Đường Trần Quốc Toản	40.000
	Hẻm 28	Đường Hùng Vương	Hẻm 2, Đường Huỳnh Phan Hộ	5.000
	Hẻm 63	Đường Hùng Vương	Rạch Trà Men	5.000
	Hẻm 93	Đường Hùng Vương	Hẻm 63, Đường Hùng Vương	5.000
	Hẻm 3	Đường Hùng Vương	Hẻm 42, Đường Yết Kiêu	5.000
	Hẻm 7	Đường Hùng Vương	Đường Điện Biên Phủ	5.000
	Hẻm 101, 121, 149	Đường Hùng Vương	Rạch Trà Men	4.000
	Hẻm 129	Suốt hẻm		3.500
	Hẻm 135	Suốt hẻm		6.000
	Hẻm 159	Đường Hùng Vương	Rach Trà Men	4.000

Số TT	Tên đơn vị hành chính	Đoạn đường		Giá đất
		Từ	Đến	VT1
18.3	Đường Lý Thánh Tông	Đường Hùng Vương	Đường Điện Biên Phủ	8.000
		Đường Hùng Vương	Kênh Trường Thọ	7.000
	Hẻm 29 (P6 cũ)	Đường Lý Thánh Tông	Đường Kênh 30 Tháng 4	2.000
18.4	Đường Xô Viết Nghệ Tĩnh	Đường Lê Lợi	Đường Điện Biên Phủ	31.000
	Hẻm 145 (P6 cũ)	Đường Xô Viết Nghệ Tĩnh	Hẻm 81, Đường Ngô Gia Tự	4.000
18.5	Tuyến tránh Quốc lộ 1A	Đường Võ Văn Kiệt	Đường Nam Kỳ Khởi Nghĩa	6.000
		Đường Nam Kỳ Khởi Nghĩa	Đường Dương Kỳ Hiệp	5.000
18.6	Đường Lê Duẩn	Cầu Lê Duẩn (Sông Maspero)	Đường Phạm Hùng	9.000
18.7	Quốc lộ 1	Giáp ranh xã An Ninh	Giao điểm giữa Tuyến tránh Quốc lộ 1 và Tuyến tránh Quốc lộ 60	5.700
18.8	Đường Võ Văn Kiệt	Giao điểm giữa Tuyến tránh Quốc lộ 1 và Tuyến tránh Quốc lộ 60	Bên trái giáp hẻm 121; Bên phải hết ranh Viện Kiểm sát	10.000
		Bên trái giáp hẻm 121; Bên phải hết ranh Viện Kiểm sát	Bên trái giáp Đường Trần Quốc Toàn; Bên phải hết ranh hẻm 298	15.000
		Bên trái giáp Đường Trần Quốc Toàn; Bên phải hết ranh hẻm 298	Cầu Kênh Xáng	10.000
	Hẻm 54	Đường Võ Văn Kiệt	Đường Lê Hoàng Chu	1.000
	Hẻm 367 (P6 cũ)	Đường Võ Văn Kiệt	Đường Điện Biên Phủ	1.800
	Hẻm 121	Đường Võ Văn Kiệt	Hết ranh thửa đất số 819, tờ bản đồ 103 (16 cũ)	1.300
	Hẻm 170	Đường Võ Văn Kiệt	Cuối hẻm	2.500
	Hẻm 222	Đường Võ Văn Kiệt	Đường Lê Hoàng Chu	1.300
	Hẻm 238	Suốt hẻm		1.600
	Hẻm 298	Suốt hẻm		2.400
	Hẻm 334	Suốt hẻm		1.600
18.9	Đường Nguyễn Trường Tộ	Đường Sóc Vồ	Hết ranh thửa đất số 122, tờ bản đồ 112	2.000
18.10	Đường Điện Biên Phủ	Đường Tôn Đức Thắng	Đường Yết Kiêu	10.000
		Đường Yết Kiêu	Đường Lý Thánh Tông	8.000
		Đường Lý Thánh Tông	Đường Võ Văn Kiệt	6.000

Số TT	Tên đơn vị hành chính	Đoạn đường		Giá đất
		Từ	Đến	VT1
18.11	Đường Kênh 19 Tháng 5	Đường Tôn Đức Thắng	Kênh Thanh Niên	1.000
		Kênh Thanh Niên	Kênh 30 Tháng 4	800
18.12	Đường Kênh 22 Tháng 3	Đường Lương Định Của	Cuối Kênh (Hết thửa 106, tờ bản đồ 49)	800
18.13	Đường Kênh Liêu Sơn	Đường đá Kênh Cầu Xéo	Kênh 2 Tháng 9	1.000
18.14	Đường Ngô Gia Tự	Ngã ba Đường Dã Tượng	Đường Xô Viết Nghệ Tĩnh	20.000
		Đường Xô Viết Nghệ Tĩnh	Đường Lê Lai	18.000
	Hẻm 81	Suốt hẻm		4.000
	Hẻm 95	Suốt hẻm		3.500
18.15	Đường Lê Vĩnh Hòa	Đường Tôn Đức Thắng	Đường Pasteur - Bà Triệu	9.000
	Hẻm 2	Đường Lê Vĩnh Hòa	Hết ranh thửa 107, tờ bản đồ số 155 (30)	1.300
		Giáp ranh thửa 107, tờ bản đồ số 30	Hết ranh thửa số 80, tờ bản đồ số 29	1.000
18.16	Đường Lê Lai	Đường Ngô Gia Tự	Đường Lê Lợi	10.000
18.17	Đường Calmette	Đường Ngô Gia Tự	Đường Nguyễn Chí Thanh	10.000
	Hẻm 33	Từ Calmette	Đường Lai Văn Tùng	2.300
18.18	Đường Yết Kiêu	Đường Điện Biên Phủ	Đường Yết Kiêu	15.000
	Hẻm 42	Đường Yết Kiêu	Hẻm 218, Đường Điện Biên Phủ	2.300
18.19	Đường Dã Tượng	Đường Điện Biên Phủ	Đường Ngô Gia Tự	15.000
18.20	Đường Võ Đình Sâm	Đường Tôn Đức Thắng	Đường Bà Triệu	9.000
	Hẻm 5	Đường Võ Đình Sâm	Hết thửa đất số 112, tờ bản đồ số 154 (29)	1.300
	Hẻm 9	Đường Võ Đình Sâm	Đường Trần Văn Hòa	1.300
18.21	Đường Đặng Văn Viễn	Đường Tôn Đức Thắng	Đường Bà Triệu	9.000
18.22	Đường Pasteur	Đường Lê Vĩnh Hòa	Hẻm 196, Đường Tôn Đức Thắng	9.000
	Hẻm 50	Suốt hẻm		1.300

Số TT	Tên đơn vị hành chính	Đoạn đường		Giá đất
		Từ	Đến	VT1
18.23	Đường Nguyễn Chí Thanh	Ranh Hồ Nước Ngọt	Đường Tôn Đức Thắng	20.000
	Hẻm 4	Đường Nguyễn Chí Thanh	Hết thửa đất số 57, tờ bản đồ 28	3.500
	Hẻm 79	Đường Nguyễn Chí Thanh	Đường Lai Văn Tùng	3.000
18.24	Đường Trần Văn Hòa	Đường Lê Vĩnh Hòa	Đường Võ Đình Sâm	9.000
	Hẻm 36, 74	Đường Trần Văn Hòa	Đường Bà Triệu	1.300
	Hẻm 12	Đường Trần Văn Hòa	Hết thửa đất số 113, tờ bản đồ số 162 (37)	1.300
18.25	Đường Bà Triệu	Đường Lê Vĩnh Hòa	Đường Võ Đình Sâm	9.000
18.26	Đường Sơn Đê	Suốt tuyến		10.000
18.27	Đường Lai Văn Tùng	Đường Tôn Đức Thắng	Đường Sơn Đê	11.000
	Hẻm 2	Suốt hẻm		2.300
18.28	Đường Dương Kỳ Hiệp	Kênh 16 mét	Tuyến tránh Quốc lộ 1A	2.000
		Tuyến tránh Quốc lộ 1A	Giáp lộ giao thông khu vực 24 phường Sóc Trăng	1.800
18.29	Đường Kênh 30 Tháng 4 (Nhánh phía Đông)	Đường Lý Thánh Tông	Đường Vành Đai I	6.000
		Đường Vành Đai I	Kênh 19 Tháng 5	1.800
18.30	Đường Kênh 30 Tháng 4 (Nhánh phía Tây)	Đường Lý Thánh Tông	Đường Vành Đai I	6.000
		Đường Vành Đai I	Giáp Khu dân cư Minh Châu	3.000
18.31	Đường Sóc Vồ	Giao điểm giữa tuyến tránh Quốc lộ 1 và tuyến tránh Quốc Lộ 60	Đường Nam Kỳ Khởi Nghĩa	1.200
18.32	Đường Lê Hoàng Chu	Cầu Kênh Xáng (Quốc lộ 1A)	Hẻm 222, Đường Võ Văn Kiệt	2.500
		Hẻm 222, Đường Võ Văn Kiệt	Đường Sóc Vồ	2.000
18.33	Đường Nam Kỳ Khởi Nghĩa	Cầu Đen (Quốc lộ 1A)	Tuyến tránh Quốc lộ 1A	5.500
		Tuyến tránh Quốc lộ 1A	Bia tường niệm - Hết thửa đất số 13 tờ bản đồ số 105	4.500
		Bia tường niệm - Hết thửa đất số 13 tờ bản đồ số 105	Giáp ranh xã An Ninh	2.500
	Hẻm 91	Đường Nam Kỳ Khởi Nghĩa	Hết ranh thửa đất số 3; Thửa 64 tờ bản đồ 126	1.800

Số TT	Tên đơn vị hành chính	Đoạn đường		Giá đất
		Từ	Đến	VT1
18.34	Đường Lý Đạo Thành	Đường Tôn Đức Thắng	Trung tâm phòng chống bệnh xã hội (cũ)	4.500
	Hẻm 8	Suốt hẻm		1.000
18.35	Đường Huỳnh Phan Hộ	Đường Hùng Vương	Đường Trần Quốc Toản	7.000
	Hẻm 2	Đường Huỳnh Phan Hộ	Kênh 30 Tháng 4	3.000
	Hẻm 36	Đường Huỳnh Phan Hộ	Kênh 30 Tháng 4	5.500
	Hẻm 64, 76, 110, 117	Suốt hẻm		1.200
18.36	Đường Trần Quốc Toản	Đường Hùng Vương	Đường Huỳnh Phan Hộ	7.000
	Hẻm 46, 104, 109	Suốt hẻm		1.200
18.37	Lộ giao thông khu vực 24 phường Sóc Trăng	Đường Trương Vĩnh Ký	Đường Dương Kỳ Hiệp	1.200
18.38	Tuyến tránh Quốc lộ 60	Đường Võ Văn Kiệt	Cổng sau Khu Công nghiệp An Nghiệp (Khu Thiết chế Công Đoàn)	5.000
		Cổng sau Khu Công nghiệp An Nghiệp (Khu Thiết chế Công Đoàn)	Giáp ranh xã An Ninh	4.000
		Giáp ranh xã Thuận Hòa	Đường Lương Định Của	4.355
	Hẻm 192	Tuyến tránh Quốc lộ 60	Hết thửa đất số 91 và 350, tờ bản đồ số 94	1.300
	Hẻm 334	Tuyến tránh Quốc lộ 60	Hết thửa đất số 98, tờ bản đồ số 43	900
18.39	Đường Trương Vĩnh Ký	Đường Sương Nguyệt Anh	Giáp ranh xã An Ninh	1.800
18.40	Đường Phan Đăng Lưu	Giáp hẻm 91, Đường Nam Kỳ Khởi Nghĩa (thửa đất số 22, tờ bản đồ số 126 (40))	Giáp ranh xã An Ninh	1.500
18.41	Đường Nguyễn Văn Khuynh	Đường Phạm Hùng	Cầu Thanh Niên (Giáp Đường Chông Chác)	1.500
18.42	Đường Sóc Mồ Côi	Đường Phạm Hùng	Giáp ranh xã Tân Thạnh	1.000
18.43	Đường Trần Đại Nghĩa	Đường Phạm Hùng	Giáp ranh xã Tân Thạnh	1.000
18.44	Đường Lộ Châu Khánh	Đường Trần Đại Nghĩa	Giáp ranh xã Tân Thạnh	900

Số TT	Tên đơn vị hành chính	Đoạn đường		Giá đất
		Từ	Đến	VT1
18.45	Đường Tôn Đức Thắng	Cầu C247	Đường Lê Vĩnh Hòa	20.000
		Đường Lê Vĩnh Hòa	Hẻm Chùa Phước Nghiêm	15.000
		Hẻm Chùa Phước Nghiêm	Đường Vành Đai I	10.000
		Đường Vành Đai I	Đường Vành Đai II	8.000
	Hẻm 87	Suốt hẻm		4.500
	Hẻm 163	Suốt hẻm		3.500
	Hẻm 189	Suốt hẻm		3.500
	Hẻm 196	Suốt hẻm		3.500
	Hẻm 222	Suốt hẻm		4.000
	Hẻm 250	Suốt hẻm		3.500
	Hẻm 278, 322, 352	Suốt hẻm		4.000
	Hẻm 354A	Suốt hẻm		3.500
	Hẻm 283	Suốt hẻm		3.500
	Hẻm 368	Suốt hẻm		3.000
	Hẻm 580	Suốt hẻm		2.400
	Hẻm 49	Suốt hẻm		4.000
	Hẻm 55	Đường Tôn Đức Thắng	Hẻm 4, Đường Nguyễn Chí Thanh	3.000
	Hẻm 74	Suốt hẻm		4.000
	Hẻm 146	Đường Tôn Đức Thắng	Đường Trần Văn Hòa	4.500
	Hẻm 166	Đường Tôn Đức Thắng	Hẻm 2, Đường Lê Vĩnh Hòa	4.500
	Hẻm 178	Đường Tôn Đức Thắng	Hẻm 2, Đường Lê Vĩnh Hòa	4.000
	Hẻm 311, 319, 337, 389, 398, 472, 498	Suốt hẻm		1.700
	Hẻm 382	Suốt hẻm		3.000
	Hẻm 420, 452, 532, 542, 552, 589, 573, 596, 638, 726, 744, 762, 780, 788, 792	Suốt hẻm		1.600
	Hẻm 525, 593, 674, 708, 716, 806, 814	Suốt hẻm		1.200
18.46	Đường Phạm Hùng	Đường Bà Triệu	Đường Vành Đai I	11.000
		Đường Vành Đai I	Đường Vành Đai II	9.000
		Đường Vành Đai II	Cầu Saintard	7.000
	Hẻm 5	Suốt hẻm		1.600
	Hẻm 117	Đường Phạm Hùng	Cuối hẻm	1.600
	Hẻm 54	Suốt hẻm		1.200
	Hẻm 98	Suốt hẻm		1.600
	Hẻm 112	Suốt hẻm		1.200
	Hẻm 126	Suốt hẻm		1.200
	Hẻm 158	Suốt hẻm		1.200

Số TT	Tên đơn vị hành chính	Đoạn đường		Giá đất
		Từ	Đến	VT1
18.47	Đường Cao Thắng	Đường Coluso	Đường Huỳnh Cương	4.200
		Đường Huỳnh Cương	Cụm Công nghiệp Tân Phú	2.500
		Cụm Công nghiệp Tân Phú	Đường Phạm Hùng	2.500
18.48	Đường vào Cảng Sông	Đường Phạm Hùng	Đường Cao Thắng	3.000
18.49	Đường Chông Chác	Đường Nguyễn Văn Khuynh (Cầu Thanh Niên)	Đường Tôn Đức Thắng	1.200
18.50	Đường Lương Định Của	Đường Vành Đai II	Giáp ranh xã Trường Khánh	6.000
	Hẻm 131	Đường Lương Định Của	Giáp thửa đất số 89, tờ bản đồ 44 (4)	1.100
18.51	Đường Phạm Ngọc Thạch	Đường Bà Triệu	Đường Coluso	3.000
18.52	Đường Cầu Đen	Thửa đất số 39, tờ bản đồ 156 (31)	Thửa đất số 51, tờ bản đồ 163 (38)	900
18.53	Đường Kênh Xáng	Thửa 189, 227, tờ bản đồ 163 (38)	Thửa 87, tờ bản đồ 163 (38)	1.500
18.54	Đường Coluso	Đường Phạm Hùng	Đường Phạm Ngọc Thạch	3.500
		Đường Phạm Hùng	Lộ đá cặp kênh Cầu Xéo	3.000
18.55	Đường Huỳnh Cương	Đường Cao Thắng	Cụm Công nghiệp Tân Phú	2.500
		Cụm Công nghiệp Tân Phú	Hết ranh phường Sóc Trăng	2.000
18.56	Lộ đá cặp kênh Cầu Xéo	Hẻm 5 Đường Phạm Hùng	Đường Vành Đai II	1.200
18.57	Đường đê bao Trà Quýt	Giáp ranh phường Phú Lợi	Đường Nguyễn Trường Tộ	1.200
18.58	Lộ nhựa 7 mét	Cầu Maspero	Khán đài đua Ghe Ngo	2.000
18.59	Lộ Kênh Trường Thọ	Kênh 30 Tháng 4	Đường Kênh 19 Tháng 5	1.500
18.60	Khu dân cư Hưng Thịnh	Cả khu		10.000
18.61	Khu dân cư Tuấn Lan (P6 cũ)	Cả khu		7.000

Số TT	Tên đơn vị hành chính	Đoạn đường		Giá đất
		Từ	Đến	VT1
18.62	Khu dân cư Đức Nguyên (Khu dân cư Nguyên Hưng Phát)	Các tuyến Đường nội bộ trong Khu dân cư (Trừ các thửa đất có cạnh tiếp giáp Đường Điện Biên Phủ)		6.000
		Các thửa đất có cạnh tiếp giáp Đường Điện Biên Phủ (Đoạn từ Đường Yết Kiêu đến Đường Lý Thánh Tông)		8.000
18.63	Khu dân cư Minh Châu:			
	Đường A1, A2	Suốt tuyến		6.000
	Đường B	Đường Võ Văn Kiệt	Đường A2	10.000
		Đường A2	Đường A1	7.000
		Đường A1	Kênh 30 Tháng 4	5.000
	Đường C1, C2, C3, C4, C5, C6, C7	Suốt tuyến		5.000
	Đường C8, C9, C10, C11	Suốt tuyến		5.000
	Đường D1, D2, D3, D4, D5, D6, D7, D8, D9, D10, D11, D12, D13, D14, D15, D16, D17, D18, D19	Suốt tuyến		5.000
19	Phường Mỹ Xuyên			
19.1	Quốc lộ 1A	Ngã ba Trà Tim	Hết ranh Chùa Chén Kiểu (Chùa Sà lôn)	5.200
		Giáp ranh Chùa Chén Kiểu (Chùa Sà Lôn)	Cổng Sà Lôn	5.000
		Cổng Sà Lôn	Giáp ranh xã Nhu Gia	4.200
19.2	Tuyến tránh Quốc lộ 60	Quốc lộ 1A	Giáp ranh phường Phú Lợi	5.200
19.3	Đường tỉnh 934	Đường Đoàn Minh Bảy	Cầu Cái Xe (Kênh Tiếp Nhựt)	6.400
		Cầu Cái Xe (Kênh Tiếp Nhựt)	Giáp ranh xã Tài Văn	4.800
	Hẻm 108 (Nghĩa trang)	Đường tỉnh 934	Kênh Xáng	1.600
	Hẻm 111	Suốt hẻm		1.700
	Hẻm 1 (Thanh Lợi)	Suốt hẻm (Đường tỉnh 934 đến hết ranh đất ông Tạ Kim Sủng)		1.500
	Hẻm 2 (Chùa Xén Cón)	Đường tỉnh 934	Đường Huỳnh Văn Chính	1.700